Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7014.00.90

Mã HS	7014.00.90
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ tín hiệu bằng thủy tinh và các bộ phận quang học bằng thủy tinh (trừ những sản phẩm thuộc nhóm 70.15), chưa được gia công về mặt quang học / - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 22:39:06
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70140090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10538
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10538
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10538
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10024
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9975
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9975
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9975
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9975
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9975
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9975
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10027
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10027

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10027
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10027
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10027
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10027
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10028
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10028
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10028
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10028
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10028
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10028
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10029
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9981
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9987
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9987
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9987
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9987
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9987
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9987
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10012
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10012
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10012
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10012
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10012
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10012
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10059
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10059

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10059
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10059
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10059
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10059
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10050
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10050
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10050
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10050
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10050
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10050
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D10050
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E10050
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F10050
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G10050
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H10050
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10050
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D10061
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10061
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10061
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10061
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10061
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10061
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D10060
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10060
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10060
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10060

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10060
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10060
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10007
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10007
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10007
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10007
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10007
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10007
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10007
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10044
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10044
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10044
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10044
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10044
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10044
RCEP B	2022	2022	0	B!D10044
RCEP B	2023	2023	0	B!E10044
RCEP B	2024	2024	0	B!F10044
RCEP B	2025	2025	0	B!G10044
RCEP B	2026	2026	0	B!H10044
RCEP B	2027	2027	0	B!I10044
RCEP C	2022	2022	0	C!D10044
RCEP C	2023	2023	0	C!E10044
RCEP C	2024	2024	0	C!F10044
RCEP C	2025	2025	0	C!G10044
RCEP C	2026	2026	0	C!H10044

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10044
RCEP D	2022	2022	0	D!D10043
RCEP D	2023	2023	0	D!E10043
RCEP D	2024	2024	0	D!F10043
RCEP D	2025	2025	0	D!G10043
RCEP D	2026	2026	0	D!H10043
RCEP D	2027	2027	0	D!I10043
RCEP E	2022	2022	0	E!D10047
RCEP E	2023	2023	0	E!E10047
RCEP E	2024	2024	0	E!F10047
RCEP E	2025	2025	0	E!G10047
RCEP E	2026	2026	0	E!H10047
RCEP E	2027	2027	0	E!I10047
RCEP F	2022	2022	0	F!D10044
RCEP F	2023	2023	0	F!E10044
RCEP F	2024	2024	0	F!F10044
RCEP F	2025	2025	0	F!G10044
RCEP F	2026	2026	0	F!H10044
RCEP F	2027	2027	0	F!I10044
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F9285
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G9285
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H9285
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I9285

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7014.00 có 2 dòng thuế; dòng 7014.00.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7014.00.10 Loại phù hợp dùng cho xe có động cơ	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7014.00.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7014.00.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10538), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.